

QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI TỈNH LAI CHÂU: THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

THE MANAGEMENT OF STATE BUDGET IN LAI CHAU PROVINCE: CURRENT SITUATION AND POLICY RECOMMENDATIONS

Nguyễn Ngọc Hải

Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 28/03/2021, chấp nhận đăng ngày 21/04/2021

Tóm tắt: Quản lý chi ngân sách nhà nước (NSNN) của tỉnh Lai Châu đã đạt được một số thành tựu đáng kể được thể hiện qua một số chỉ tiêu kinh tế xã hội (KTXH) như mức độ tăng tổng sản phẩm của tỉnh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo tích cực, cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh đã có nhiều đổi thay. Bên cạnh đó, công tác quản lý chi NSNN vẫn còn một số tồn tại hạn chế cần khắc phục. Bài báo trình bày thực trạng hoạt động quản lý chi NSNN tỉnh Lai Châu trong giai đoạn năm 2016-2020, đưa ra những đánh giá nhận xét về công tác này. Qua đó đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chi NSNN tại tỉnh Lai Châu.

Từ khóa: Lai Châu, ngân sách nhà nước, quản lý chi.

Abstract: The management of state budget expenditure in Lai Chau province has achieved a number of significant achievements shown by a number of socio-economic indicators such as the increase in gross product of the province, economic structure shifted positively, infrastructure in the province has had many changes. Besides, the management of state budget expenditure still has some shortcomings that need to be overcome. The article presents the current state of state budget expenditure management in Lai Chau province in the period 2016-2020; Give reviews and comments on this work. Thereby proposing a number of policy recommendations to improve the efficiency of state budget expenditure management in Lai Chau province.

Keywords: Lai Chau, state budget, expenditure management.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lai Châu là một tỉnh miền núi biên giới thuộc vùng Tây Bắc Việt Nam, phía bắc có hơn 260 km đường biên giới giáp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, phía tây và phía tây nam giáp tỉnh Điện Biên, phía đông giáp tỉnh Lào Cai, phía đông nam giáp tỉnh Yên Bái, và phía nam giáp tỉnh Sơn La. Tỉnh Lai Châu có vị trí địa lý thuận lợi trong phát triển kinh tế, đặc biệt là giao thương cửa khẩu vùng biên. Về môi trường KTXH của tỉnh Lai Châu,

(i) Văn hóa xã hội: Năm 2004, tỉnh Lai Châu chính thức được chia tách và thành lập mới. Hiện tỉnh Lai Châu có 08 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 07 huyện và 01 thành phố. Lai Châu là địa bàn cư trú của 20 dân tộc sinh sống. Dân trí người dân còn thấp và không đồng đều, phong tục tập quán bảo thủ, lạc hậu truyền qua nhiều thế hệ. (ii) Điều kiện kinh tế, trong giai đoạn từ năm 2016-2020, mức độ tăng tổng sản phẩm của tỉnh (GRDP) hàng năm theo giá hiện hành ở mức 10,88%/năm,

cao hơn so với một số tỉnh cùng thuộc vùng Tây Bắc như Điện Biên (6,4%), Yên Bái (6,64%). Tuy nhiên, Lai Châu vẫn là một trong những tỉnh nghèo nhất cả nước, trong điều kiện thu ngân sách thấp mà nhu cầu chi tiêu, đầu tư rất lớn dẫn đến tỉnh Lai Châu gặp rất nhiều khó khăn trong việc quản lý chi ngân sách nhà nước (NSNN) nói riêng và quản lý cân đối ngân sách nói chung. Thực tiễn quản lý chi NSNN tại tỉnh Lai Châu trong những năm qua cho thấy, tuy đạt được nhiều kết quả ấn tượng, song còn tồn tại một số vấn đề, bất cập cần khắc phục. Bài báo trình bày thực trạng chi NSNN tại tỉnh Lai Châu trong giai đoạn từ năm 2016-2020, đưa ra những đánh giá, nhận xét về công tác này. Qua đó đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm khắc phục những tồn tại, hoàn thiện công tác quản lý chi NSNN tại tỉnh Lai Châu trong giai đoạn tới.

2. TỔNG QUAN VỀ CHI NSNN TẠI ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH

NSNN về bản chất là một quỹ tiền tệ tập trung lớn nhất của Nhà nước, là kế hoạch tài chính cơ bản của Nhà nước hoặc xem như một văn kiện tài chính, mô tả chi tiết khoản thu chi NSNN hàng năm. Theo Luật NSNN: NSNN là toàn bộ các khoản thu vào, chi ra của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

Quản lý là sự tác động có mục đích của chủ thể vào các đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu quản lý đã đề ra. Quản lý chi NSNN là một bộ phận trong công tác quản lý NSNN. Theo đó quản lý chi NSNN tại địa phương cấp tỉnh được hiểu là sự tác động liên tục, có tổ chức, có định hướng của bộ máy chính quyền cấp tỉnh vào quá trình phân phối và sử dụng

quỹ NSNN nhằm bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cấp tỉnh một cách có hiệu quả.

Có nhiều tiêu thức phân loại các khoản chi NSNN, thông thường chi NSNN có thể phân loại dựa theo các căn cứ sau: (i) Căn cứ theo yếu tố và phương thức quản lý NSNN, nội dung chi NSNN được chia thành 4 nhóm: chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển, chi trả nợ và viện trợ, chi dự trữ. (ii) Căn cứ vào mục đích chi tiêu, nội dung chi NSNN được chia thành hai nhóm: chi tích lũy và chi tiêu dùng [1]. Trong phạm vi bài viết này, căn cứ luật NSNN năm 2015 và mục tiêu phân tích, đánh giá kết quả chi NSNN gắn với phương thức quản lý chi NSNN, đề xuất các kiến nghị chính sách, tác giả phân loại chi NSNN thành 4 nhóm. Nhóm một, các khoản chi thường xuyên là các khoản chi từ NSNN gắn liền với việc thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của nhà nước về quản lý KTXH; nhóm 2, các khoản chi cho đầu tư phát triển là các khoản chi từ NSNN để đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng cơ bản, phát triển sản xuất nhằm thực hiện mục tiêu ổn định vĩ mô và thúc đẩy phát triển toàn diện KTXH; nhóm 3, chi trả nợ, viện trợ là các khoản chi trả nợ trong nước, chi trả nợ vay nước ngoài khi đến hạn và chi viện trợ quốc tế; nhóm 4 là các khoản chi từ NSNN để bổ sung quỹ dự trữ nhà nước và quỹ dự trữ tài chính cho mua hàng dự trữ quốc gia.

Khả năng cân đối ngân sách như thế nào cũng có ảnh hưởng đến việc quản lý chi NSNN. Nếu thu NSNN hàng năm có nhiều biến động thì khả năng cân đối hàng năm sẽ thiếu ổn định và có thể phải cắt giảm các khoản chi NSNN với nguyên tắc chi NSNN chỉ được phép thực hiện khi có đủ các nguồn thu bù đắp. Ở những địa phương tự cân đối được NSNN, không bị lệ thuộc nguồn ngân sách cấp trên sẽ chủ động hơn trong quản lý chi,

chủ động hơn trong lựa chọn các mục tiêu đầu tư phát triển KTXH.

3. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHI NSNN TẠI TỈNH LAI CHÂU GIAI ĐOẠN NĂM 2016-2020

Thông qua khảo sát, đánh giá cơ bản số liệu được tổng hợp từ [2] và [3], tác giả nhận thấy các khoản chi trả nợ lãi và dự trữ của tỉnh Lai

Châu chiếm tỷ trọng rất nhỏ so với tổng chi từ ngân sách tỉnh. Do vậy, để thuận tiện trong quá trình phân tích trạng hoạt động chi NSNN tại tỉnh Lai Châu, tác giả tiến hành phân loại chi NSNN tại tỉnh Lai Châu thành 3 nhóm lớn, đó là: (i) nhóm các khoản chi thường xuyên, (ii) nhóm các khoản chi đầu tư phát triển và (iii) nhóm các khoản chi khác.

Bảng 1. Cơ cấu chi NSNN tỉnh Lai Châu giai đoạn năm 2016-2020

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Năm	Tổng số		Chi thường xuyên		Chi đầu tư phát triển		Chi khác (chi trả nợ lãi, dự trữ)	
	Tổng tiền	Tỷ trọng (%)	Tổng tiền	Tỷ trọng (%)	Tổng tiền	Tỷ trọng (%)	Tổng tiền	Tỷ trọng (%)
2016	5.056,700	100	4.479,500	88,59	576,200	11,39	1,000	0,000198
2017	5.658,700	100	4.966,050	87,76	691,440	12,22	1,210	0,000214
2018	6.144,910	100	5.396,730	87,82	746,980	12,16	1,200	0,000195
2019	5.357,480	100	4.774,750	89,12	581,510	10,85	1,220	0,000228
Sơ bộ 2020	5.572,157	100	5.019,491	90,08	551,436	9,90	1,230	0,000221
Bình quân	5.557,989	100	4.927,304	88,67	629,513	11,30	1,172	0,000211

Nguồn: Tổng hợp, tính toán của tác giả từ [2] và [3]

Theo bảng 1, trong giai đoạn năm 2016-2020, bình quân chi cân đối ngân sách tỉnh là 5.557,989 triệu đồng (không tính chi chuyển nguồn), trong đó chi đầu tư phát triển: 629,513 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 11,30%; chi thường xuyên: 4.927,304 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 88,67%; chi khác (chi trả nợ lãi, dự trữ): 1,172 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 0,000211%. Tỷ trọng chi thường xuyên cao chứng tỏ khả năng tích lũy của ngân sách dành cho đầu tư phát triển của tỉnh Lai Châu thuộc diện thấp.

Quy mô chi NSNN tỉnh Lai Châu có xu hướng tăng trong giai đoạn năm 2016-2018, trung bình 10,25% mỗi năm và giảm mạnh ở

năm 2019 (các đơn vị, địa phương của tỉnh Lai Châu đã quyết liệt giảm chi thường xuyên và mua sắm trang thiết bị, điều tiết chi thường xuyên cho sự nghiệp phát triển như các cây, con giống; giải phóng mặt bằng chuẩn bị cho đầu tư các công trình dự án). Trong giai đoạn năm 2016-2020, chi thường xuyên chiếm tỷ trọng rất cao trong cơ cấu chi NSNN tại tỉnh Lai Châu, và có xu hướng ngày càng tăng. Năm 2017, cơ cấu chi thường xuyên chiếm tỷ trọng thấp nhất nhưng cũng chiếm tới 87,76% tổng số chi ngân sách tỉnh. Năm 2020 chi thường xuyên chiếm tỷ trọng cao nhất trong giai đoạn và chiếm tới 90,08% tổng số chi ngân sách của tỉnh.

Có thể thấy chi thường xuyên chiếm tỷ trọng rất cao và có xu hướng tăng thì chi đầu tư phát triển của tỉnh chiếm tỷ trọng thấp và có xu hướng giảm dần. Giai đoạn năm 2016-2020, tỉnh Lai Châu thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm theo quy định của Luật Đầu tư công. Tuy nhiên, do việc tổ chức thực hiện luật phần nào nhiều vướng mắc, chậm trễ trong thực thi cũng như hướng dẫn luật dẫn đến số lượng công trình, dự án đầu tư công có trong danh mục của cả giai đoạn 5 năm giảm

so với giai đoạn trước. Trong giai đoạn năm 2016-2020, năm 2017 chi đầu tư phát triển chiếm tỷ trọng cao nhất trong cả giai đoạn, nhưng cũng chỉ chiếm 12,22% tổng chi ngân sách tỉnh; năm 2020 chi đầu tư phát triển chiếm tỷ trọng thấp nhất trong cả giai đoạn, chỉ chiếm 9,90% tổng số chi ngân sách tỉnh. Các khoản chi khác (chi trả nợ, chi dự trữ) chiếm tỷ trọng rất thấp, không đáng kể trong cơ cấu chi ngân sách của tỉnh Lai Châu.

Bảng 2. Cơ cấu các khoản chi thường xuyên của tỉnh Lai Châu giai đoạn năm 2016-2020

Đơn vị tính: Triệu VND

Năm	Tổng số		Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo		Chi sự nghiệp y tế dân số		Chi sự nghiệp kinh tế		Chi sự nghiệp quản lý cơ quan nhà nước, Đảng, Đoàn		Chi khác	
	Tổng tiền	Tỷ trọng (%)	Tổng tiền	Tỷ trọng (%)	Tổng tiền	Tỷ trọng (%)	Tổng tiền	Tỷ trọng (%)	Tổng tiền	Tỷ trọng (%)	Tổng tiền	Tỷ trọng (%)
2016	4.479,500	100	1.984,730	44,31	598,470	13,36	582,670	13,01	1.003,650	22,41	309,980	6,92
2017	4.966,050	100	2.139,370	43,08	661,000	13,31	592,620	11,93	588,540	11,85	984,520	19,83
2018	5.396,730	100	2.282,620	42,30	693,130	12,84	838,530	15,54	1.044,950	19,36	537,500	9,96
2019	4.774,750	100	2.059,150	43,13	638,840	13,38	629,150	13,18	574,350	12,03	873,260	18,29
Sơ bộ 2020	5.019,491	100	2.052,245	40,89	648,709	12,92	547,210	10,90	608,844	12,13	1.162,483	23,16
Bình quân	4.927,304	100	2.103,623	42,74	648,030	13,16	638,036	12,91	764,067	15,56	773,549	15,63

Nguồn: Tổng hợp, tính toán của tác giả từ [2] và [3]

Theo bảng 2, tại tỉnh Lai Châu, các khoản chi thường xuyên chiếm tỷ trọng cao nhất của tỉnh và được sắp xếp theo thứ tự giảm dần là chi thường xuyên dành cho sự nghiệp giáo dục đào tạo (chiếm tỷ lệ bình quân 42,74%); chi sự nghiệp quản lý cơ quan nhà nước, Đảng, Đoàn (chiếm tỷ lệ bình quân 15,56%); chi sự nghiệp y tế dân số (chiếm tỷ lệ bình quân 13,16%); chi sự nghiệp kinh tế (chiếm tỷ lệ bình quân 12,91%) và các khoản chi khác. Chi thường xuyên là các khoản chi đa dạng, hướng tới nhiều mục đích khác nhau. Song, có thể thấy chi ngân sách phục vụ bộ máy nhà

nước và các cơ quan đoàn thể của tỉnh Lai Châu chiếm tỷ trọng cao trong tổng số chi thường xuyên của tỉnh, trong khi chi cho các hoạt động khác như chi sự nghiệp khoa học, công nghệ được xếp vào các khoản chi khác và chiếm tỷ trọng rất thấp, không đáng kể. Đầu tư từ ngân sách cho khoa học và công nghệ đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc thực hiện có kết quả các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ nói riêng và nhiệm vụ phát triển KTXH nói chung, tuy nhiên tại tỉnh Lai Châu, đầu tư từ ngân sách tỉnh cho phát triển khoa học công nghệ chưa

được quan tâm đúng mức.

4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HIỆU QUẢ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI TỈNH LAI CHÂU

4.1. Những thành quả đạt được

Các khoản chi của NSNN không thu hồi trực tiếp và hiệu quả của nó thường không đánh giá bằng các chỉ tiêu định lượng cụ thể mà được đánh giá về hiệu quả KTXH nhiều hơn. Trong giai đoạn từ năm 2016-2020, mức độ tăng tổng sản phẩm của tỉnh hàng năm theo giá hiện hành ở mức 10,88%/năm. Năm 2016, tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người tăng từ 22,5 triệu đồng thì đến năm 2020, tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người đã đạt 43,34 triệu đồng. Cơ cấu kinh tế các ngành, lĩnh vực chuyển dịch theo hướng tích cực. Năm 2016, cơ cấu kinh tế: nông - lâm - ngư nghiệp là 20,35%, công nghiệp - xây dựng là 35,61%, Dịch vụ và thuế nhập khẩu là 44,04 %. Năm 2020, cơ cấu kinh tế: nông - lâm - ngư nghiệp là 15,42%, công nghiệp - xây dựng là 37,94%, dịch vụ và thuế nhập khẩu là 46,64%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng các ngành nông - lâm - ngư nghiệp và tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Cơ sở hạ tầng nhất là kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục, quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh đã có nhiều đổi thay. Tính đến năm 2020, 100% xã có đường ô tô mặt đường được cứng hóa; 91,4% bản có đường ô tô, xe máy đi lại thuận lợi; 91,9% dân số đô thị được sử dụng nước sạch.

4.2. Một số tồn tại hạn chế

Thứ nhất, chi thường xuyên chiếm tỷ trọng cao.

Lai Châu là một tỉnh miền núi, điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn, hơn 60% nguồn thu ngân sách tỉnh phải trông chờ từ sự hỗ trợ của

NSTW, nên việc quản lý, sử dụng và phân bổ ngân sách cần phải đảm bảo tiết kiệm và hợp lý về cơ cấu giữa các khoản chi. Tuy nhiên, trong giai đoạn năm 2016-2020, cơ cấu chi thường xuyên chiếm tới 88,67% tổng số chi ngân sách tỉnh và có tỷ trọng ngày càng tăng. Chi thường xuyên gấp gần 8 lần chi đầu tư phát triển, nguồn lực dành cho chi đầu tư phát triển rất hạn chế.

Thứ hai, cơ cấu các khoản chi thường xuyên chưa hợp lý.

Trong giai đoạn năm 2016-2020, việc phân bổ kinh phí trong hoạt động chi thường xuyên của tỉnh Lai Châu vẫn còn một số bất cập, chi ngân sách cho hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể của tỉnh chiếm tỷ trọng lớn, chỉ sau chi thường xuyên dành cho sự nghiệp giáo dục đào tạo. Nguồn vốn chi thường xuyên từ ngân sách tỉnh chưa tập trung cho các hoạt động kinh tế, đặc biệt là chi cho phát triển các hoạt động khoa học và công nghệ.

Thứ ba, phân bổ vốn đầu tư phát triển còn dàn trải

Do nhiều lý do khác nhau, xảy ra tình trạng cùng một thời gian quá nhiều dự án ưu tiên. Chính thực tế này đã dẫn đến việc quyết định đầu tư tràn lan, dẫn đến phân tán nguồn lực đầu tư, kéo dài thời gian hoàn thành dự án và làm giảm hiệu quả đầu tư. Nguồn vốn dành cho đầu tư xây dựng cơ bản nói chung và ở các tỉnh nghèo nói riêng như Lai Châu luôn là bài toán khó do nhu cầu vốn cho đầu tư xây dựng cơ bản luôn trong trạng thái vượt quá khả năng cân đối của địa phương và thường xuyên phụ thuộc vào nguồn tài trợ của NSTW. Quy mô vốn đầu tư xây dựng từ nguồn ngân sách tỉnh còn hạn hẹp, chiếm tỷ trọng rất thấp so với chi thường xuyên, khả năng tự chủ tài chính yếu, chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư

thì rất dễ bị co kéo vốn đầu tư. Đây là những nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc bố trí vốn đầu tư bị dàn trải ảnh hưởng đến tiến độ chung của dự án. Hậu quả của việc đầu tư dàn trải, không tập trung dẫn đến công trình không có vốn dở dang. Điển hình như dự án hạ tầng kỹ thuật và cải tạo mặt bằng bản văn hóa xã Mường So có thời gian thực hiện từ năm 2016 đến năm 2018 nhưng đến cuối năm 2020 vẫn chưa hoàn thành hay dự án đầu tư xây dựng công trình đường thành phố Lai Châu - thị trấn Sìn Hồ có quyết định phê duyệt đầu tư từ ngày 17/10/2011 theo quyết định số 1203/QĐ-UBND nhưng đến cuối năm 2020 vẫn chưa biết đến khi nào hoàn thành.

5. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Thứ nhất, cắt giảm và tiết kiệm chi thường xuyên.

Các khoản chi ngân sách của tỉnh Lai Châu cần được cơ cấu lại theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để có nguồn bổ sung vốn đầu tư phát triển các công trình hạ tầng thiết yếu về giao thông đường bộ, y tế thôn bản, giáo dục quan trọng và dứt điểm trả nợ các công trình xây dựng cơ bản. Ưu tiên nguồn vốn bố trí cho các nhiệm vụ quan trọng, cắt giảm mạnh nhất các khoản chi khánh tiết, hội nghị, lễ hội, động thổ, khởi công và đi công tác nước ngoài, chi đầu tư xây dựng mới các tượng đài. Hạn chế tối đa nhất việc mua xe công, trừ các xe chuyên dùng, khuyến khích thực hiện giao khoán kinh phí khi các lãnh đạo đi các phương tiện cá nhân đi làm thường xuyên thay vì xe công. UBND tỉnh cần giao chi tiết chỉ tiêu tiết kiệm ngân sách cho toàn thể các đơn vị trực thuộc tỉnh, đồng thời giám sát kết quả thực hiện chỉ tiêu hàng quý, hàng năm.

UBND tỉnh Lai Châu cần khẩn trương xây

dựng đề án chuyển đổi một số đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh sang doanh nghiệp theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị này có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tinh gọn bộ máy đồng thời cũng giúp giảm gánh nặng của ngân sách tỉnh. Như vậy, mới giảm mạnh chi tiêu thường xuyên, từ đó có nguồn để tăng chi cho đầu tư phát triển và các mục tiêu ưu tiên khác. Hiện một số hơn vị đã tiến hành chuyển đổi nhưng quá trình chuyển đổi còn chậm, rời rạc do chưa có hướng dẫn cụ thể của tỉnh.

Ban hành quyết định thực hành tiết kiệm chống lãng phí giai đoạn năm 2021-2025 thay thế Quyết định 145/QĐ-UBND ngày 27/2/2017 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí giai đoạn năm 2016-2020 [4]. Theo đó, UBND tỉnh Lai Châu cần quy định chi tiết, cụ thể hơn các chỉ tiêu tiết kiệm trong các lĩnh vực và quy định chi tiết trách nhiệm từng cá nhân, đơn vị cụ thể nếu không đạt được chỉ tiêu đó.

Thứ hai, cơ cấu lại các khoản chi thường xuyên.

Chi ngân sách cho hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể của tỉnh chiếm tỷ trọng lớn. UBND tỉnh Lai Châu cần quản lý chặt chẽ các khoản chi thường xuyên đối với cơ quan hành chính nhà nước trực thuộc tỉnh như các trường chính trị tỉnh, Ban quản lý Trung tâm hành chính - chính trị tỉnh và các khoản ngân sách cấp cho đơn vị Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở. UBND tỉnh Lai Châu cần cơ cấu bên trong của từng tổ chức trực thuộc gắn với việc giao tự chủ kinh phí và trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế, lao động tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy quản lý, thực hành tiết kiệm, ngăn ngừa

lãng phí. Không thành lập mới tổ chức trung gian; giải thể hoặc sắp xếp lại một số cơ quan, tổ chức hoạt động không hiệu quả.

Thứ ba, kiểm soát chặt chẽ tình hình sử dụng vốn đầu tư xây dựng.

Nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh phải được phân bổ phải theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên góp phần thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế vừa giải quyết các vấn đề an sinh xã hội. UBND tỉnh Lai Châu cần rà soát, sắp xếp, phân loại đối với những dự án, công trình thiết yếu đang được đầu tư từ vốn ngân sách, song thiếu vốn để tiếp tục triển khai và những dự án đã quyết định đầu tư chưa được bố trí vốn. Trong đó, ưu tiên trước tiên là bố trí vốn để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản; ưu tiên bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng dự án trọng điểm, dự án thiết yếu cấp bách về giao thông vận tải, điện, nước sinh hoạt phục vụ nhân dân. Đối với những dự án có nhu cầu vốn lớn, có khả năng khai thác từng phần một thì tiếp tục đầu tư hoàn thiện đưa vào sử dụng từng hạng mục, các hạng mục còn lại quyết liệt phải đình hoãn. Đối với các gói thầu đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng, cần tập trung tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán theo đúng hợp đồng đã ký, tránh tình trạng chiếm dụng vốn của nhà thầu. Chỉ xem xét đồng ý chủ trương đối với một số dự án khởi công mới thực sự cấp bách, cấp thiết với đời sống của người dân, đồng bộ với quy hoạch chung và khả năng huy động để cấp vốn chuẩn bị đầu tư. UBND tỉnh Lai Châu cần có quy định cụ thể xác định rõ trách nhiệm của các địa phương và chủ đầu tư trong việc

để phát sinh nợ đọng, đảm bảo không phát sinh tăng nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc phạm vi, trách nhiệm và thẩm quyền của từng cấp. Tham khảo, học hỏi thêm kinh nghiệm xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản của tỉnh lân cận như Yên Bái, Điện Biên, Sơn La; kiên quyết không để xảy ra tình trạng nợ đọng trong đầu tư xây dựng cơ bản.

6. KẾT LUẬN

Trong giai đoạn năm 2016-2020, kết quả quản lý chi NSNN của tỉnh Lai Châu đã đạt được một số thành tựu đáng kể được thể hiện qua một số chỉ tiêu KTXH như mức độ tăng tổng sản phẩm của tỉnh; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo tích cực; cơ sở hạ tầng nhất là kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục, quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh đã có nhiều đổi thay. Bên cạnh đó, công tác quản lý chi NSNN vẫn còn một số tồn tại hạn chế cần khắc phục. Để nâng cao hiệu quả quản lý chi NSNN tại tỉnh Lai Châu, tác giả đưa ra một số nhóm kiến nghị chính sách về cắt giảm và tiết kiệm chi thường xuyên, cơ cấu lại các khoản chi thường xuyên và kiểm soát chặt chẽ tình hình sử dụng vốn đầu tư xây dựng. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả nhận thấy còn có nhiều hướng để thực hiện những nghiên cứu bổ sung như: (i) quản lý chi NSNN tại tỉnh Lai Châu theo chu trình quản lý NSNN (xây dựng, phê duyệt dự toán chi; chấp hành dự toán chi NSNN; kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng NSNN và quyết toán ngân sách); (ii) nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả quản lý chi NSNN tại tỉnh Lai Châu; (iii) quản lý chi NSNN tại các tỉnh vùng cao Tây Bắc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bùi Tiến Hanh, Phạm Thị Hoàng Phương, *Giáo trình Tài chính công*, NXB Tài chính (2016).

- [2] Cục Thống kê Lai Châu, *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý IV và năm 2020 tỉnh Lai Châu*, báo cáo số 539/BC- CTK ngày 24 tháng 12 năm 2020.
- [3] Cục Thống kê tỉnh Lai Châu, *Niên giám thống kê tỉnh Lai Châu năm 2019*, NXB Thống kê (2020).
- [4] UBND tỉnh Lai Châu, *Quyết định ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí giai đoạn năm 2016-2020*, Quyết định 145/QĐ-UBND, UBND tỉnh Lai Châu ban hành ngày 27 tháng 2 năm 2017.

Thông tin liên hệ: **Nguyễn Ngọc Hải**

Điện thoại: 0972 980 638 - Email: nnhai@uneti.edu.vn

Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

